

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ THỊNH VƯỢNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ THỊNH VƯỢNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH VUONG INTERNATIONAL GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THỊNH VƯỢNG INTERNATIONAL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110643155

3. Ngày thành lập: 08/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 16, phố Trạm, tổ 12, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0333890336

Fax:

Email: thinhvuonggroup.jsc@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4513
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620(Chính)
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632

Thời gian đăng từ ngày 09/03/2024 đến ngày 08/04/2024

13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Trồng lúa	0111
24.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
25.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
26.	Trồng cây mía	0114
27.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
28.	Trồng cây lấy sợi	0116
29.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
30.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
31.	Trồng cây hàng năm khác	0119
32.	Trồng cây ăn quả	0121
33.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
34.	Trồng cây điều	0123
35.	Trồng cây hồ tiêu	0124
36.	Trồng cây cao su	0125
37.	Trồng cây cà phê	0126
38.	Trồng cây chè	0127
39.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
40.	Trồng cây lâu năm khác	0129
41.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
42.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
43.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
44.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
45.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
46.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
47.	Chăn nuôi gia cầm	0146
48.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
49.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
50.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
51.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

52.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
53.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
54.	Khai thác gỗ	0220
55.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
56.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
57.	Dịch vụ đóng gói	8292
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
59.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
60.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
61.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (loại trừ "Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng")	6619
62.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
63.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
64.	Quảng cáo	7310
65.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
66.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
68.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
69.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
70.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
71.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
72.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
73.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

74.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
75.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
76.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
77.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
78.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
79.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	2021
80.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
81.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
82.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
83.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
84.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
85.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
86.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
87.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
88.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
89.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
90.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
91.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô	4932
92.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
93.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
94.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
95.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
97.	Bốc xếp hàng hóa	5224
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
99.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

100.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
101.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
102.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
103.	Xây dựng nhà để ở	4101
104.	Xây dựng nhà không để ở	4102
105.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
106.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
107.	Xây dựng công trình điện	4221
108.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
109.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
110.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
111.	Xây dựng công trình thủy	4291
112.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
113.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
114.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
115.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
116.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
117.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
118.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu, Trừ bán lẻ súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TÀO DUY MẠNH	Căn 1707 CT1B Lô No23, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	468.000	4.680.000.000	52,000	0380900002 20	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	468.000	4.680.000.000	52,000		
2	TRƯƠNG BẢO LONG	Số 13 Ngõ Túc Mạc, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	216.000	2.160.000.000	24,000	0010830536 67	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	216.000	2.160.000.000	24,000		

3	TRẦN VĂN TÍNH	Thôn Yên Hoà, Xã Bồ Lý, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	216.000	2.160.000.000	24,000	0260860001 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	216.000	2.160.000.000	24,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TÀO DUY MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090000220

Ngày cấp: 02/01/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn 1707 CT1B Lô No23, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn 1707 CT1B Lô No23, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội